

QUẢN LÝ DỮ LIỆU SỐ VỀ HOẠT ĐỘNG VĂN HÓA TRUYỀN THÔNG Ở PHỐ CỔ HÀ NỘI PHỤC VỤ GIÁO DỤC MỞ

Phạm Quỳnh Anh¹

Email: anhpq209@gmail.com. ORCID: 0009-0004-3555-3657

Ngày tòa soạn nhận được bài báo: 06/07/2026

Ngày hoàn thành đánh giá: 05/10/2026

Ngày bài báo được duyệt đăng: 19/10/2026

DOI: 10.59266/houjs.2026.1508

Tóm tắt: Nhiều hoạt động văn hóa truyền thống ở khu vực Phố cổ Hà Nội đã được ghi hình và đưa tin qua nhiều năm, song khối tư liệu này chưa trở thành tài nguyên giáo dục mở. Qua phân tích tài liệu, chính sách và mã hóa 13 đơn vị tư liệu công khai giai đoạn 2010-2026 về ba trường hợp, nghiên cứu đánh giá lớp dữ liệu công khai theo bốn tiêu chí. Tư liệu đáp ứng tương đối về nội dung, nhưng không định danh chủ thể từng nghi thức, gắn nhãn tái hiện thiếu nhất quán, thiếu mã định danh liên kết phiên bản và chỉ có tuyên bố bản quyền cấp trang. Từ đó, nghiên cứu đề xuất khung quản lý năm bước, phương án chuyển hóa dữ liệu thành học liệu và một số hàm ý chính sách.

Từ khóa: dữ liệu số, giáo dục mở, hoạt động văn hóa truyền thống, Phố cổ Hà Nội, quản lý dữ liệu

I. Đặt vấn đề

Giá trị văn hóa khu Phố cổ Hà Nội kết tinh trong những thực hành hằng ngày, không chỉ ở cấu trúc phố và di tích (Ngô, 2021; Ngô, 2020). Lễ hội đền Bạch Mã có ghi chép báo chí từ năm 2010 (Vũ, 2010), “Tết Việt - Tết Phố” khởi đầu năm 2020 (Đình Thuận, 2020), còn nghề kim hoàn Hàng Bạc gắn với phố nghề từ thế kỷ XV (Nguyễn Hoàng, 2019). Hoạt động số hóa di sản triển khai theo Chương trình số hóa Di sản văn hóa Việt Nam giai đoạn 2021-2030 (Thủ tướng Chính phủ, 2021), Nghị định số 308/2025/NĐ-CP (Chính phủ, 2025) và Nghị định số 277/2026/NĐ-CP

về hạ tầng văn hóa số (Chính phủ, 2026). Tuy nhiên, số lượng tư liệu chưa bảo đảm khả năng tái sử dụng, vì video thiếu bối cảnh hay lời kể thiếu minh bạch nguồn gốc đều khó đưa vào giảng dạy. Trong phạm vi khảo sát, các tư liệu này chủ yếu là tin, bài báo chí, chưa trở thành học liệu có điều kiện pháp lý minh bạch, nên quản lý dữ liệu văn hóa cũng là bài toán học liệu của giáo dục mở.

Nguyễn (2025) và Bùi (2025) đã đặt vấn đề phân tầng quyền truy cập và tham vấn cộng đồng trong số hóa di sản, song chưa xem xét điều kiện tái sử dụng trong giáo dục mở. nghiên cứu vì thế trả

¹ Trường Đại học Sư phạm Nghệ thuật Trung ương, Hà Nội, Việt Nam

lời câu hỏi: dữ liệu số về hoạt động văn hóa truyền thống khu vực Phố cổ Hà Nội cần được quản lý như thế nào để trở thành tài nguyên giáo dục mở mà vẫn tôn trọng quyền của cộng đồng chủ thể?

II. Cơ sở lý thuyết

2.1. Hoạt động văn hóa truyền thống và dữ liệu số

Công ước năm 2003 về bảo vệ di sản văn hóa phi vật thể của Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hóa Liên Hợp Quốc (UNESCO) xác định di sản phi vật thể là những thực hành, tri thức và kỹ năng được cộng đồng thừa nhận, liên tục tái tạo và trao truyền; Điều 14 coi giáo dục là biện pháp bảo vệ then chốt (UNESCO, 2003). Vì vậy, đơn vị quản lý dữ liệu di sản sống nên là thực hành văn hóa chứ không phải tệp tin, bởi dữ liệu chỉ giữ giá trị khi còn gắn với chủ thể, thời điểm và bối cảnh sản sinh.

2.2. Quản lý dữ liệu di sản, giáo dục mở và khung phân tích

Trong nghiên cứu này, quản lý dữ liệu chỉ chu trình tổ chức dữ liệu từ thu thập đến khai thác, còn quản trị dữ liệu (data governance) là hợp phần xác lập thẩm quyền, trách nhiệm và điều kiện sử dụng. Bộ nguyên tắc FAIR (Findable, Accessible, Interoperable, Reusable: có thể tìm thấy, truy cập, liên thông và tái sử dụng) đặt tiêu dữ liệu, nguồn gốc và thông tin quyền ở

vị trí trung tâm (Wilkinson và cộng sự, 2016). FAIR không đồng nhất với dữ liệu mở, vì nguyên tắc A1.2 cho phép xác thực và phân quyền truy cập, song chưa bao quát lợi ích và thẩm quyền của cộng đồng nắm giữ tri thức. Bộ nguyên tắc CARE bổ sung chiều này qua lợi ích tập thể (Collective Benefit), quyền kiểm soát (Authority to Control), trách nhiệm (Responsibility) và đạo đức (Ethics) (Carroll và cộng sự, 2020). Do CARE hình thành cho cộng đồng bản địa (Indigenous Peoples), còn cư dân Phố cổ không có quyền dữ liệu tập thể được pháp luật thừa nhận, nghiên cứu chỉ vận dụng CARE như tham chiếu đạo đức thông qua tham vấn và thỏa thuận dân sự. Mô hình Dữ liệu Europeana (Europeana Data Model - EDM) tách bạch đối tượng văn hóa, bản số và bản ghi siêu dữ liệu, với trường edm:rights bắt buộc ở cấp tập hợp (Europeana Foundation, 2017).

Tài nguyên giáo dục mở là tài liệu thuộc phạm vi công cộng hoặc phát hành theo giấy phép mở (UNESCO, 2019), còn giáo dục mở bao trùm cả nguồn lực lẫn thực hành sư phạm (Cronin và MacLaren, 2018). Do đó, tư liệu chưa đủ điều kiện pháp lý vẫn có thể phục vụ giáo dục mở qua tham chiếu hoặc khai thác tại chỗ. Từ ba tuyến lý thuyết trên, nghiên cứu xây dựng khung phân tích bốn tiêu chí, mỗi tiêu chí thao tác hóa thành chỉ báo quan sát được (Bảng 1).

Bảng 1. Khung phân tích quản lý dữ liệu số về hoạt động văn hóa truyền thống

Tiêu chí	Chỉ báo quan sát	Cơ sở lý thuyết
TC1. Nội dung phản ánh	Tư liệu cho biết hoạt động gì, diễn ra khi nào, ở đâu; có mô tả trình tự thực hành	UNESCO (2003)
TC2. Nguồn gốc và chủ thể	Ghi rõ chủ thể thực hành, người tạo dữ liệu; phân biệt thực hành thường xuyên với tái hiện	FAIR; CARE
TC3. Mô tả và tổ chức	Có trường siêu dữ liệu nhất quán, có định danh, liên kết được các phiên bản qua các năm	FAIR; Europeana
TC4. Điều kiện sử dụng	Có tuyên bố quyền rõ ràng; xác định phạm vi sao chép, chỉnh sửa, phân phối lại	UNESCO (2019); CARE

Ghi chú: TC = tiêu chí.
Nguồn: Tác giả xây dựng.

III. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu sử dụng phương pháp định tính, phân tích tài liệu, chính sách và nội dung số công khai theo Bảng 1. Mẫu chọn chủ đích gồm ba trường hợp: “Tết Việt - Tết Phố” cho phong tục theo chu kỳ, Lễ hội đền Bạch Mã cho lễ hội và tín ngưỡng, nghề kim hoàn Hàng Bạc cho nghề thủ công. Các trường hợp này giúp nhận diện kiểu hình vấn đề, không đại diện cho toàn khu vực. Đơn vị phân tích là một tin, bài hoặc trang thông tin công khai có ngày đăng xác định. Tác giả tra cứu vào tháng 10/2026, không giới hạn năm đăng, trên cổng thông tin của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Chính phủ, thành phố, phường và báo chí. Tư liệu được chọn khi có nội dung chính về một trong ba trường hợp và còn truy cập được; trang du lịch, thương mại, bài đăng lại và trang ngừng hoạt động bị loại. Tin trùng ngày ưu tiên nguồn của cơ quan nhà nước. Kết quả thu được 13 đơn vị giai đoạn 2010-2026, gồm T1-T6 về “Tết Việt - Tết Phố”, B1-B4 về Lễ hội đền Bạch Mã và H1-H3 về nghề kim hoàn Hàng Bạc (chú thích Bảng 3).

Mỗi đơn vị được chấm theo ba mức: đáp ứng khi có đủ thông tin chỉ báo yêu cầu, một phần khi thiếu ít nhất một thành tố, không đáp ứng khi chỉ báo vắng mặt. Theo đó, TC1 đạt khi nêu đủ tên hoạt động, thời gian, địa điểm và trình tự; TC2 khi định danh chủ thể từng nghi thức, ghi người tạo dữ liệu và phân biệt thực hành thường xuyên với tái hiện; TC3 khi có trường siêu dữ liệu nhất quán, mã định danh và liên kết qua các năm; TC4 khi có tuyên bố quyền cấp tư liệu, còn bản quyền chung của trang chỉ tính là một phần. Mỗi ô mã hóa lưu kèm trích dẫn nguyên văn làm bằng chứng; thông tin nguồn không

công bố không dùng để suy ra hồ sơ nội bộ. nghiên cứu có ba giới hạn: chỉ tiếp cận lớp dữ liệu công khai, vốn là lớp giáo dục mở khai thác được; việc mã hóa do một người thực hiện; khung đề xuất chưa qua kiểm nghiệm.

IV. Kết quả nghiên cứu và thảo luận

4.1. Nguồn dữ liệu số và thực trạng quản lý lớp dữ liệu công khai

Ngay từ năm 2010, báo chí đã ghi lại Lễ hội đền Bạch Mã với lễ rước, tế Nam quan, nữ quan và “mô phỏng lễ tiến Xuân Ngưu” như một nét mới (Vũ, 2010). Năm 2022, đền được xếp hạng di tích quốc gia đặc biệt trong cụm “Thăng Long tứ trấn” theo Quyết định số 93/QĐ-TTg (Lê, 2022), và tư liệu năm 2026 ghi trình tự từ tuyên đọc chúc văn, đánh trống khai hội đến tế Nam quan, nữ quan dâng hương và lễ tạ (Thảo Nguyên, 2026; Việt Thương, 2026). “Tết Việt - Tết Phố” khởi đầu năm 2020 như lần đầu “tái hiện Tết phố” tại đình Kim Ngân (Đình Thuận, 2020); các kỳ sau duy trì lễ rước, lễ cáo yết Thành Hoàng và dựng cây nêu (Giang Nam, 2024; Minh Thúy, 2025; Thương Nguyễn, 2026). Đình Kim Ngân đồng thời thờ tổ nghề kim hoàn, và lễ hội đình năm 2023 được tổ chức trong khuôn khổ Đề án “Nghiên cứu tổ chức Lễ hội truyền thống trong khu phố cổ Hà Nội và khu vực Hồ Hoàn Kiếm” (Thùy Linh, 2023). Trong khi đó, tư liệu nghề Hàng Bạc chủ yếu ghi lịch sử nghề, nghệ nhân và kỹ thuật chạm bạc (Nguyễn Hoàng, 2019; Giang Nam, 2023). Như vậy, tư liệu về đình Kim Ngân thuộc đồng thời hai thực hành, nên cần gắn với thực hành thay vì sự kiện. Dữ liệu số có thể phân thành năm nhóm với yêu cầu tham vấn khác nhau (Bảng 2), làm cơ sở phân tầng ở mục 4.2.

Bảng 2. Các nhóm dữ liệu số, rủi ro quản lý và yêu cầu tham vấn dự kiến

Nhóm dữ liệu	Nội dung	Rủi ro quản lý chính	Yêu cầu tham vấn dự kiến
Dữ liệu hoạt động	Tên hoạt động, thời gian, địa điểm, trình tự	Tái hiện bị ghi như thực hành nguyên bản	Thấp
Dữ liệu chủ thể	Nghệ nhân, chủ thể thực hành, cộng đồng	Xâm phạm quyền hình ảnh và thông tin cá nhân	Cao
Dữ liệu tri thức	Nghi thức, kỹ năng nghề, phong tục, cách truyền dạy	Phổ biến tri thức có giới hạn tiếp cận	Cao
Dữ liệu nghe nhìn	Ảnh, âm thanh, video, bản ghi phỏng vấn	Chồng lấn quyền giữa người ghi và người được ghi	Trung bình - cao
Dữ liệu ký ức Lời kể, hồi ức, lịch sử gia đình Nhằm ký ức cá nhân với dữ kiện đã kiểm chứng			Cao

*Ghi chú: Yêu cầu tham vấn là dự kiến, chưa qua tham vấn cộng đồng.
Nguồn: Tác giả đề xuất.*

Đối chiếu với bốn tiêu chí (Bảng 3) cho thấy mức đáp ứng giảm dần từ TC1 đến TC3. Ở TC1, chỉ 2/13 đơn vị (B1, B4) mô tả đủ trình tự thực hành. Ở TC2, cả 13 đơn vị ghi tác giả bài viết, nhưng chỉ 7/13 ghi tác giả ảnh. Không đơn vị nào định danh chủ thể từng nghi thức; nghệ nhân chỉ được nêu tên ở 2/13 đơn vị (T4, H1). Nhãn “tái hiện”, “phỏng dựng” hoặc “mô phỏng” xuất hiện ở 6/13 đơn vị, song chỉ B1 gắn nhãn cho một nghi thức cụ thể. Cùng một chương trình được giới thiệu là “lần đầu tiên tái hiện” năm 2020 (T1), rồi thành “thương hiệu văn hóa Tết Hà thành” năm 2024 (T4) và được nhấn mạnh “tính thường niên” năm 2025 (T5), dễ khiến người dùng coi tái hiện là truyền thống. Nguồn gốc nghề cũng chưa nhất quán: H1 và H2 gắn việc thợ Châu Khê ra Thăng Long với thời Lê Thánh Tông, H3 ghi mốc thế kỷ XVI, còn H2 ghi niên đại triều vua này là “1160 - 1497”; không đơn vị nào dẫn thần tích hay văn bia.

TC3 là tiêu chí yếu nhất: 13/13 đơn vị không có mã định danh thực hành, không liên kết với tư liệu kỳ

trước như một phiên bản, và liên kết giữa các năm chỉ dựa vào thẻ chủ đề của tòa soạn. Khoảng trống này đã được nhận diện ở cấp chính sách khi Nghị định số 277/2026/NĐ-CP yêu cầu siêu dữ liệu có mã định danh, bối cảnh văn hóa, quyền sở hữu trí tuệ và điều kiện chia sẻ (Chính phủ, 2026), dù điều này không thay thế kiểm chứng trực tiếp. Ở TC4, cả 13 đơn vị đều có tuyên bố bản quyền cấp trang: cơ quan báo chí không cho sao chép khi chưa chấp thuận, còn công thông tin của Bộ và của Chính phủ (T5, T6, B2, H2) cho dùng lại khi ghi nguồn. Không đơn vị nào áp giấy phép mở cho từng tư liệu hay nhắc tới quyền của người được ghi hình, nên tư liệu công khai không mặc nhiên là tài nguyên giáo dục mở. Các khoảng trống trên có thể bắt nguồn từ mục đích tạo lập: khi đơn vị tổ chức là bài viết về một kỳ sự kiện, thông tin chủ thể, phiên bản và quyền chỉ là tùy chọn; khi đơn vị tổ chức là thực hành, chúng thành trường bắt buộc. Đây mới là giả thuyết, cần kiểm chứng bằng tài liệu nội bộ và phỏng vấn.

Bảng 3. Ma trận kết quả đánh giá 13 đơn vị tư liệu theo bốn tiêu chí

Tiêu chí	Tết Việt - Tết Phổ (n = 6)	Lễ hội đền Bạch Mã (n = 4)	Nghề kim hoàn Hàng Bạc (n = 3)
TC1. Nội dung phản ánh	Một phần 6/6: đủ thời gian, địa điểm; nghi thức liệt kê ròi	Đáp ứng 2/4 (B1, B4); một phần 2/4	Một phần 3/3: lịch sử nghề không gắn kỹ thuật với thời điểm
TC2. Nguồn gốc và chủ thể	Một phần 6/6: không định danh chủ thể nghi thức; nhấn đổi qua các năm (T1, T4, T5)	Một phần 4/4: không định danh chủ thể; chỉ B1 gắn nhãn mô phỏng cho lễ tiến Xuân Nguru	Một phần 3/3: mốc nguồn gốc nghề lệch nhau (H1, H2 so với H3)
TC3. Mô tả và tổ chức	Không đáp ứng 6/6: không mã định danh, không liên kết phiên bản	Không đáp ứng 4/4	Không đáp ứng 3/3
TC4. Điều kiện sử dụng	Một phần 6/6: bản quyền cấp trang; T5, T6 cho dùng lại khi ghi nguồn	Một phần 4/4; B2 cho dùng lại khi ghi nguồn	Một phần 3/3; H2 cho dùng lại khi ghi nguồn

Ghi chú: Mã tư liệu T1 Đình Thuận (2020); T2 Mộc An (2020); T3 Phương Hà (2023); T4 Giang Nam (2024); T5 Minh Thúy (2025); T6 Thương Nguyễn (2026); B1 Vũ (2010); B2 Lê (2022); B3 Thảo Nguyễn (2026); B4 Việt Thương (2026); H1 Nguyễn Hoàng (2019); H2 Thùy Linh (2023); H3 Giang Nam (2023).
Nguồn: Tác giả mã hóa.

4.2. Khung quản lý dữ liệu số về hoạt động văn hóa truyền thống

Khung đề xuất gồm năm bước, mỗi bước xử lý một khoảng trống ở mục 4.1; Bảng 4 đối sánh khung với FAIR, CARE và EDM.

Bảng 4. Đối sánh khung đề xuất với các khung tham chiếu hiện có

Thành tố	FAIR	CARE	EDM	Khung đề xuất
Đơn vị tổ chức dữ liệu	Tập dữ liệu nghiên cứu	Không quy định	Đối tượng văn hóa, bản số	Thực hành văn hóa (đ/chính)
Siêu dữ liệu bắt buộc	Yêu cầu chung về mô tả	Không quy định	Bộ trường chuẩn, có edm:rights	Kế thừa EDM, thêm trường tính chất thực hành, tình trạng xác thực
Biến đổi theo thời gian	Không quy định	Không quy định	Phiên bản bản ghi	Chuỗi phiên bản gắn mã định danh thực hành (mới)
Thẩm quyền phổ biến	Không quy định	Cộng đồng chủ thể	Đơn vị nắm giữ dữ liệu	Cộng đồng chủ thể qua tham vấn, tách khỏi thẩm định nội dung (đ/chính)
Phân tầng điều kiện dùng Truy cập có điều kiện (A1.2) Nguyên tắc, không thang tầng Tuyên bố quyền (Rights Statements)				Ba tầng gắn ba phương thức khai thác sự phạm (mới)

Ghi chú: (đ/chính) là thành tố kế thừa có sửa đổi; (mới) là thành tố chưa có ở khung đối chiếu.
Nguồn: Tác giả đối sánh.

Khung khởi đầu bằng việc nhận diện thực hành: mỗi thực hành nhận một mã định danh làm trục liên kết tư liệu qua các năm, kèm hồ sơ về bối cảnh, chủ thể nắm giữ và chu kỳ diễn ra. Trên trục định danh đó, tư liệu được xác thực qua ba lớp: kiểm

tra nhất quán giữa các nguồn, đối chiếu thần tích, văn bia hoặc hồ sơ xếp hạng di tích, và thẩm định của chủ thể thực hành theo tinh thần Điều 15 Công ước năm 2003. Kết quả được ghi thành ba trạng thái là đã xác thực, chờ xác thực và có ý kiến

khác biệt; trạng thái cuối được lưu kèm diễn giải, như hai mốc thế kỷ XV và XVI về nguồn gốc nghề Hàng Bạc.

Tư liệu sau xác thực được mô tả theo bộ trường cơ bản: mã định danh thực hành, tên hoạt động, loại hình, địa điểm, thời gian, chủ thể thực hành, nội dung, người tạo dữ liệu, nguồn, ngày tạo, tình trạng xác thực, tính chất thực hành và điều kiện sử dụng. Trường tính chất thực hành phân biệt thường xuyên, tái hiện và phục dựng, gắn ở cấp nghi thức thay vì cấp chương trình. Vì hoạt động văn hóa lặp lại nhưng luôn biến đổi, mỗi kỳ tổ chức được lưu thành một phiên bản gắn cùng mã định danh thay vì ghi đề, nhờ đó biến đổi trở thành dữ liệu về quá trình trao truyền.

Bước cuối cùng phân tầng điều kiện sử dụng theo yêu cầu tham vấn ở Bảng 2. Dữ liệu mở gồm nội dung đã xác thực và được chủ thể có quyền đồng ý phổ biến theo một giấy phép cụ thể. Dữ liệu có điều kiện phải xin phép trước khi dùng, với phạm vi do quyền tác giả, quyền hình

ảnh, quy định về dữ liệu cá nhân và thỏa thuận với cộng đồng quyết định, không mặc định là phi thương mại. Dữ liệu hạn chế gồm nội dung cộng đồng không đồng ý phổ biến; tiếp cận tại chỗ cũng cần chấp thuận bằng văn bản. Hồ sơ mỗi nhóm ghi chủ thể có thẩm quyền, hình thức chấp thuận, phạm vi sử dụng và cách xử lý bất đồng; chẳng hạn, người được ghi hình quyết định với dữ liệu chủ thể, còn ban quản lý di tích cùng cộng đồng quyết định với tri thức nghi lễ. Thẩm định nội dung được tách khỏi xác lập quyền, và siêu dữ liệu chỉ công khai sau khi đã ẩn hoặc giới hạn các trường nhạy cảm.

4.3. Chuyển hóa dữ liệu thành học liệu phục vụ giáo dục mở

Dữ liệu đủ điều kiện được tập hợp thành các bộ tư liệu chủ đề gồm dữ liệu gốc, diễn giải bối cảnh cho người dạy và giấy phép cụ thể. Mỗi tầng tương ứng một phương thức khai thác sư phạm (Bảng 5); phương thức thứ ba gắn người học với cộng đồng chủ thể theo tinh thần Điều 14 Công ước năm 2003.

Bảng 5. Đối ứng dự kiến giữa tầng dữ liệu và phương thức khai thác sư phạm

Tầng dữ liệu	Phương thức khai thác	Sản phẩm giáo dục
Dữ liệu mở	Sử dụng, chỉnh sửa, tích hợp theo hệ giấy phép mở Creative Commons (CC), ghi rõ loại và phiên bản (CC BY 4.0, CC BY-SA 4.0); điều khoản ND không cho chia sẻ bản đã sửa	Bài giảng, học liệu điện tử, ảnh và video minh họa
Dữ liệu có điều kiện	Tiếp cận qua nền tảng có kiểm soát, trích dẫn thay vì sao chép	Nghiên cứu trường hợp, bài tập phân tích tư liệu
Dữ liệu hạn chế	Tham chiếu qua siêu dữ liệu; nội dung gốc mở tại chỗ cùng chủ thể thực hành	Hoạt động trải nghiệm, học tại di tích

Nguồn: Tác giả xây dựng.

Để kiểm chứng khả năng áp dụng, Bảng 6 đề xuất một phương án thử nghiệm trên Lễ hội đèn Bạch Mã, đi từ lập hồ sơ thực hành đến thiết kế và đánh

giá học liệu; nếu đạt các tiêu chí đề ra, khung có thể mở rộng cho nhóm lễ hội, phổ nghề và tích hợp vào cơ sở dữ liệu di sản sẵn có.

Bảng 6. Phương án minh họa: từ hồ sơ Lễ hội đền Bạch Mã đến học liệu mở

Hạng mục	Nội dung dự kiến
Hồ sơ dữ liệu	Một mã định danh liên kết phiên bản 2010 và 2026; lễ tiến Xuân Nguru mang nhân tái hiện, tế Nam quan chờ xác thực; ảnh tự chụp phát hành theo CC BY 4.0, tư liệu báo chí chỉ trích dẫn, chúc văn thuộc tầng có điều kiện
Người học và mục tiêu	Lớp thử nghiệm 30 đến 40 sinh viên Văn hóa học, Du lịch hệ đào tạo từ xa; mục tiêu là phân biệt thực hành thường xuyên với tái hiện và lập được bản ghi siêu dữ liệu chuẩn
Hoạt động	Trong bốn tuần: tự học bộ tư liệu trực tuyến, đối chiếu hai phiên bản, lập phiếu siêu dữ liệu cho một nghi thức, thảo luận với đại diện ban quản lý di tích
Đánh giá	Độ chính xác siêu dữ liệu (40%), lập luận về tính chất thực hành (40%), tuân thủ điều kiện sử dụng (20%)
Nhân lực	Cán bộ dữ liệu, chuyên gia văn hóa học, đại diện ban quản lý di tích, giảng viên thiết kế học liệu, kỹ thuật viên ghi hình
Kinh phí	Ghi hình hai ngày lễ hội, hai buổi tham vấn, thẩm định chuyên môn, biên tập và lưu trữ, vận hành nền tảng; mức chi theo định mức hiện hành
Tiêu chí thử nghiệm	Tối thiểu 90% bản ghi đủ trường bắt buộc; mọi bản ghi tầng mở có xác nhận của chủ thể; thời gian xử lý một bản ghi; tỷ lệ người học đạt yêu cầu

*Ghi chú: Thông số dự kiến, chưa triển khai thực tế.
Nguồn: Tác giả đề xuất.*

V. Kết luận và kiến nghị

Kết quả khảo sát cho thấy lớp dữ liệu công khai ở Phố cổ Hà Nội đáp ứng tương đối về nội dung, đáp ứng một phần về nguồn gốc, chủ thể và điều kiện sử dụng, nhưng yếu nhất ở mô tả và tổ chức. Từ đó, khung đề xuất kế thừa bộ trường của EDM và nguyên tắc thẩm quyền của CARE, chuyển đơn vị tổ chức sang thực hành văn hóa, đồng thời bổ sung chuỗi phiên bản và cơ chế ba tầng gắn với phương thức sư phạm, qua đó dung hòa yêu cầu mở của giáo dục mở với quyền tự quyết của cộng đồng.

Kết quả gợi mở một số hàm ý chính sách. Hai trường tính chất thực hành và tình trạng xác thực có thể là một hướng cụ thể hóa yêu cầu siêu dữ liệu của Nghị định số 277/2026/NĐ-CP cho hồ sơ di sản phi vật thể. Bên cạnh chuẩn mô tả, ghi nhận chấp thuận của chủ thể và tuyên bố quyền cấp tư liệu sẽ giúp phân biệt tư liệu được xem với tư liệu được tái sử dụng. Về lâu dài, dữ liệu di sản chỉ đi vào học liệu mở

bền vững khi được xây dựng chung giữa đơn vị nắm giữ dữ liệu, cộng đồng thực hành và cơ sở giáo dục. Hướng tiếp theo cần phỏng vấn các bên liên quan và triển khai thử nghiệm ở Bảng 6.

Tài liệu tham khảo

- Bùi, T. K. P. (2025). Di sản văn hóa và chuyển đổi số: Bản đồ hóa và bảo tồn nghệ thuật truyền thống bằng công nghệ, trường hợp Ca trù Vĩnh Phúc. *Tạp chí Khoa học Trường Đại học Mở Hà Nội*, 8A, 509-521. <https://doi.org/10.59266/houjs.2025.904>
- Carroll, S. R., Garba, I., Figueroa-Rodríguez, O. L., Holbrook, J., Lovett, R., Materechera, S., Parsons, M., Raseroka, K., Rodriguez-Lonebear, D., Rowe, R., Sara, R., Walker, J. D., Anderson, J., & Hudson, M. (2020). The CARE principles for Indigenous data governance. *Data Science Journal*, 19(1), 43. <https://doi.org/10.5334/dsj-2020-043>
- Chính phủ. (2025). *Nghị định số 308/2025/NĐ-CP ngày 28/11/2025 hướng dẫn thi hành Luật Di sản văn hóa.*

- Chính phủ. (2026). *Nghị định số 277/2026/NĐ-CP ngày 09/7/2026 quy định về hạ tầng văn hóa số*.
- Cronin, C., & MacLaren, I. (2018). Conceptualising OEP: A review of theoretical and empirical literature in open educational practices. *Open Praxis*, 10(2), 127-143. <https://doi.org/10.5944/openpraxis.10.2.825>
- Đình Thuận. (2020, 18/01). Lần đầu tiên tái hiện “Tết phố” tại khu Phố cổ Hà Nội. *VietnamPlus*. <https://www.vietnamplus.vn/lan-dau-tien-tai-hien-tet-pho-tai-khu-pho-co-ha-noi-post619174.vnp>
- Europeana Foundation. (2017). *Definition of the Europeana Data Model (Version 5.2.8)*. https://pro.europeana.eu/files/Europeana_Professional/Share_your_data/Technical_requirements/EDM_Documentation/EDM_Definition_v5.2.8_102017.pdf
- Giang Nam. (2023, 25/04). Nghề kim hoàn với di sản văn hóa Thăng Long-Hà Nội. *Nhân Dân điện tử*. <https://nhandan.vn/ocop/de-nghe-kim-hoan-phat-trien-xung-voi-tiem-nang-post749580.html>
- Giang Nam. (2024, 29/01). Một thương hiệu văn hóa Tết Hà thành. *Nhân Dân điện tử*. <https://nhandan.vn/mot-thuong-hieu-van-hoa-tet-ha-thanh-post794392.html>
- Lê, P. A. (2022, 18/06). Mãn nhãn Lễ rước kiệu đèn Bạch Mã đón nhận bằng di tích Quốc gia đặc biệt. *Báo Điện tử Chính phủ*. <https://thanglong.chinhphu.vn/le-ruoc-kieu-den-bach-ma-don-nhan-bang-di-tich-quoc-gia-dac-biet-103220618212520172.htm>
- Minh Thúy. (2025, 13/01). Tết Việt - Tết phố 2025: Đa dạng các hoạt động mừng xuân Ất Tỵ. *Báo Điện tử Chính phủ*. <https://thanglong.chinhphu.vn/tet-viet-tet-pho-2025-da-dang-cac-hoat-dong-mung-xuan-at-ty-103250113155753687.htm>
- Mộc An. (2020, 20/01). Đạo chơi “Tết phố” trong lòng phố cổ. *Báo Văn hóa*. <https://baovanhoa.vn/doi-song-van-hoa/dao-choi-tet-pho-trong-long-pho-co-18714.html>
- Ngô, M. H. (2020). Community-based behaviour towards affordances in conservation of Hanoi Old Quarter in the Vietnam context. *IOP Conference Series: Materials Science and Engineering*, 949, 012063. <https://doi.org/10.1088/1757-899X/949/1/012063>
- Ngô, T. K. D. (2021). Dealing with heritage Hanoi Old Quarter. *E3S Web of Conferences*, 263, 05043. <https://doi.org/10.1051/e3sconf/202126305043>
- Nguyễn Hoàng. (2019, 08/08). Phố Hàng Bạc. *Nhân Dân điện tử*. <https://nhandan.vn/pho-hang-bac-post367183.html>
- Nguyễn, H. N. (2025). Chuyển đổi số trong bảo tồn và tái tạo di sản: Trường hợp không gian đình tổ nghề ở Phố cổ Hà Nội. *Tạp chí Khoa học Trường Đại học Mở Hà Nội*, 8A, 317-325. <https://doi.org/10.59266/houjs.2025.883>
- Phương Hà. (2023, 09/01). Lên phố cổ chơi Tết Việt - Tết Phố. *Báo Văn hóa*. <https://baovanhoa.vn/van-hoa/len-pho-co-choi-tet-viet-tet-pho-33306.html>
- Thảo Nguyên. (2026, 26/03). Ngày 30-31/3 diễn ra Lễ hội đèn Bạch Mã năm 2026. *Báo Đại biểu Nhân dân*. <https://daibieunhandan.vn/ngay-30-31-3-dien-ra-le-hoi-den-bach-ma-nam-2026-10411239.html>
- Thủ tướng Chính phủ. (2021). *Quyết định số 2026/QĐ-TTg ngày 02/12/2021 phê duyệt Chương trình số hóa Di sản văn hóa Việt Nam giai đoạn 2021-2030*.
- Thùy Linh. (2023, 13/04). Nhiều hoạt động hấp dẫn tại Lễ hội đình Kim Ngân năm 2023. *Báo Điện tử Chính phủ*. <https://thanglong.chinhphu.vn/nhieu-hoat-dong-hap-dan-tai-le-hoi-dinh-kim-ngan-nam-2023-103230413203309714.htm>
- Thương Nguyễn. (2026, 17/01). Nhiều hoạt động hấp dẫn tại “Tết Việt - Tết Phố” 2026. *Cổng Thông tin điện tử Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch*. <https://bvhttdl.gov.vn/nhieu-hoat-dong-hap-dan-tai-tet-viet-tet-pho-2026-20260117140333895.htm>

- UNESCO. (2003). *Convention for the safeguarding of the intangible cultural heritage*.
- UNESCO. (2019). *Recommendation on open educational resources (OER)*.
- Việt Thương. (2026, 30/03). Khai mạc Lễ hội Di tích Quốc gia đặc biệt đền Bạch Mã năm 2026. *Tạp chí Người Hà Nội*. <https://nguoihanoi.vn/khai-mac-le-hoi-di-tich-quoc-gia-dac-biet-den-bach-ma-nam-2026-100066.html>
- Vũ, H. V. (2010, 01/04). Lễ hội đền Bạch Mã. *Nhân Dân điện tử*. <https://nhandan.vn/le-hoi-den-bach-ma-post496257.html>
- Wilkinson, M. D., Dumontier, M., Aalbersberg, I. J., Appleton, G., Axton, M., Baak, A., Blomberg, N., Boiten, J.-W., da Silva Santos, L. B., Bourne, P. E., Bouwman, J., Brookes, A. J., Clark, T., Crosas, M., Dillo, I., Dumon, O., Edmunds, S., Evelo, C. T., Finkers, R., ... Mons, B. (2016). The FAIR guiding principles for scientific data management and stewardship. *Scientific Data*, 3, 160018. <https://doi.org/10.1038/sdata.2016.18>

MANAGING DIGITAL DATA ON TRADITIONAL CULTURAL ACTIVITIES IN THE HANOI OLD QUARTER FOR OPEN EDUCATION

Pham Quynh Anh¹

Abstract: *Traditional cultural activities in the Hanoi Old Quarter have been recorded and reported for years, yet these records have not become open educational resources. Drawing on documentary and policy analysis and the coding of 13 public records (2010-2026) on three cases, this paper evaluates the management of the public data layer against four criteria. The records perform reasonably on content but do not identify the practitioners of individual rites, label re-enactments inconsistently, lack persistent identifiers linking versions, and carry only site-level copyright notices. The paper proposes a five-step framework, an illustrative pathway from data to learning resources, and several policy implications.*

Keywords: *cultural data management, digital data, Hanoi Old Quarter, open education, traditional cultural activities*

¹ National University of Art Education, Hanoi, Vietnam